

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 753/2026/DS-PT
Ngày: 04/6/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai
Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân
Bà Hoàng Thị Thuý Lành

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thư Thảo, *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn, *Kiểm sát viên.*

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 934/2025/DS-PT ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 302/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 908/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị S, sinh năm: 1980. CCCD số: 072180002094; Nơi cư trú: ấp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Duy L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường L, tỉnh Tây Ninh. (văn bản uỷ quyền ngày 12-01-2026), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Huyền T, sinh năm: 1991. CCCD: 072191004032. Nơi cư trú: khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Ngọc M, sinh năm: 1989. CCCD số: 079089019511; Nơi cư trú: S T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông M là bà Lê Thị D, sinh năm 1974. CCCD số: 072174000341; Nơi cư trú: Nhà số D, đường số A- T, khu phố B, phường B, tỉnh Tây Ninh. (văn bản ủy quyền ngày 30-7-2025), có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Lê Thị S trình bày:

Bà có bán thịt heo cho vợ chồng bà T, ông M, tính đến ngày 29/6/2025 bà T, ông M còn nợ bà số tiền 10.797.748.000 đồng, bà T1 có ký giấy nợ. Sau khi bà khởi kiện thì bà T có chuyển khoản trả cho bà tổng số tiền 1.500.000.000 đồng nên số nợ còn phải trả là 9.297.748.000 đồng. Việc mua bán giữa hai bên ông M có biết, có đến chỗ bà S để nhận hàng, có thực hiện chuyển khoản thanh toán cho bà nhiều lần. Nay bà yêu cầu bà T, ông M cùng có nghĩa vụ trả 9.297.748.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Huyền T là bà Lê Thị D trình bày:

Bà T có mua thịt heo của bà S và có thiếu tiền của bà S; vào ngày 29/6/2025 bà T có ký giấy nợ bà S số tiền 10.797.748.000 đồng. Đến tháng 9/2025 bà T đã trả cho bà S được 1.500.000.000 đồng; nên còn nợ 9.297.748.000 đồng như bà S trình bày. Tuy nhiên, đây là nợ riêng của bà T, không liên quan đến chồng bà T là ông M. Bà T và ông M kết hôn năm 2020, nhưng nghề nghiệp khác nhau, thu nhập ai kiếm được thì người đó tự quản lý và chi tiêu. Trước và sau khi kết hôn, bà T đứng tên một mình 03 phần đất tại thị xã T, tỉnh Tây Ninh và còn nhiều người khác đang nợ tiền bà T.

Bà T đồng ý trả 9.297.748.000 đồng cho bà S, nhưng ông Đặng Ngọc M không cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ, do là nợ riêng của bà T, ông M không liên quan; bản thân ông M cũng không có tài sản riêng hay tài sản chung với bà T. Quá trình mua bán đều do bà T thực hiện với bà S, không liên quan hay có sự tham gia nào của ông M. Việc ông M có gặp bà S cũng chỉ là làm giúp bà T khi bà T có việc, thực hiện chuyển khoản thay bà T trong thời gian bà T sinh con và chăm con nhỏ chứ không phải cùng thực hiện việc mua bán.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Ngọc M là bà Lê Thị D trình bày:

Ông M không đồng ý cùng bà T có nghĩa vụ trả số tiền 9.297.748.000 đồng cho bà sáu; bởi lẽ: đây là số tiền nợ trong việc bà T mua bán thịt heo với bà S, ông M không biết số nợ này và cũng không tham gia trong việc mua bán với bà T. Việc ông M nhiều lần chuyển khoản cho bà S như bà S cung cấp là đúng, tuy nhiên ông

chỉ thực hiện thay cho bà T chứ không rõ là tiền gì và cũng không hưởng lợi gì từ việc mua bán này. Thu nhập từ công việc riêng của ông M đủ để chi tiêu cuộc sống chung trong gia đình và nuôi 02 con; bà T cũng không mua sắm tài sản gì chung trong của vợ chồng. Do đó số nợ mua bán giữa bà T với bà S là nợ riêng của bà T như ý kiến trình bày của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 302/2025/DS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán của bà Lê Thị S đối với bà Nguyễn Huyền T và ông Đặng Ngọc M.

Buộc bà Nguyễn Huyền T và ông Đặng Ngọc M cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị S số tiền 9.297.748.000 (chín tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chậm hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2025, người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông M kháng cáo cho rằng giao dịch mua bán thịt heo đang tranh chấp là giữa Công ty TNHH MTV S1 do bà S làm giám đốc với H kinh doanh Nguyễn Huyền T, nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại và người khởi kiện phải là Công ty, không phải cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M liên đới với bà T trả nợ cho bà sáu là không đúng; đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hộ kinh doanh Nguyễn Huyền T trả nợ cho Công ty TNHH MTV S1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà T và ông M nộp trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông M, Hội đồng xét xử xét thấy: xuất phát từ việc mua bán thịt heo, ngày 29/6/2025 bà T ký giấy xác nhận còn nợ bà S số tiền 10.797.748.000 đồng; đến tháng 9/2025 bà T trả được 1.500.000.000 đồng, nên còn lại 9.297.748.000 đồng; các đương sự thống nhất số tiền còn nợ như trên.

[3] Mặc dù bà S làm Giám đốc Công ty TNHH MTV S1, bà T là chủ Hộ kinh doanh nhưng các bên đều thừa nhận giao dịch mua bán giữa các đương sự là từ trước khi các bên đăng ký kinh doanh, giấy nợ ghi rõ là nợ của bà T đối với bà L1; các bên cũng không cung cấp được các hợp đồng giao dịch, hoá đơn giữa hai doanh nghiệp cũng như các báo cáo thuế để xác định số tiền mua bán giữa hai bên trong vụ án này nằm trong khoản thu chi của doanh nghiệp, nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Giấy nợ chỉ có một mình bà T ký tên nhưng số nợ này được cộng lại từ quá trình vợ chồng bà T, ông M mua thịt heo của bà S trước đó. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng ông M không tham gia mua bán thịt heo với bà S, chỉ có một mình bà T tham gia nên ông M không có trách nhiệm trả nợ. Lời trình bày này là thiếu căn cứ, bởi lẽ, mục đích mua bán của bà T là để lấy lợi nhuận phục vụ cho đời sống gia đình của ông bà, trong đó có chồng và các con của bà. Quá trình chung sống, vợ chồng bà T, ông M không có thoả thuận chế độ tài sản chung của vợ chồng hoặc thoả thuận chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Hơn nữa, bản thân ông M cũng nhiều lần tham gia gặp gỡ, giao dịch với bà S và trực tiếp chuyển khoản trả tiền trả cho bà S; điều đó chứng tỏ ông M biết và có tham gia và quá trình mua bán thịt heo với bà S, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông bà liên đới trả nợ cho bà S là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M và bà T; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của ông M và bà T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430, 440, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27; khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Huyền T và ông Đặng Ngọc M; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 302/2025/DS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Tây Ninh;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán của bà Lê Thị S đối với bà Nguyễn Huyền T và ông Đặng Ngọc M.

Buộc bà Nguyễn Huyền T và ông Đặng Ngọc M cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị S số tiền 9.297.748.000 (chín tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Huyền T và ông Đặng Ngọc M phải chịu 117.297.748 (một trăm mười bảy triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám) đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị S 59.399.000 (năm mươi chín triệu ba trăm chín mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000522 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Huyền T và ông Đặng Ngọc M mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự bà T và ông M đã nộp mỗi người 300.000 đồng tại các biên lai thu số 0007285 và 0007284 cùng ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 12 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Mai